

Số: 1469 /KH-ĐHNL

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CAO
-
GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Căn cứ Đề án số 2 của Đảng ủy về xây dựng bộ máy và phát triển đội ngũ giai đoạn 2015 - 2020; Căn cứ Đề án phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020; Căn cứ kế hoạch học tập của CBGV và đề xuất của các đơn vị, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực trình độ cao giai đoạn 2017-2020, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao (Tiến sĩ, Phó Giáo sư, Giáo sư), thành thạo ngoại ngữ, có kỹ năng sử dụng tốt công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý; đủ về số lượng và có cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn theo quy định.

2. Giải pháp

- Quy hoạch ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy trình độ cao thông qua kế hoạch bồi dưỡng nguồn lực tại chỗ và thu hút cán bộ có trình độ GS, PGS và TS.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên gia đầu đàn cho từng lĩnh vực chuyên môn và đội ngũ cán bộ kế cận đủ năng lực để tiếp tục sự nghiệp phát triển Trường.

3. Chỉ tiêu

Hiện tại, tính đến 31/12/2016 - Số lượng CBVC của Nhà trường là 613 người (kể cả cán bộ nghiên cứu ở các Trung tâm tự chủ). Số cán bộ giảng dạy là 295 người, trong đó số CBGD có trình độ Tiến sĩ trở lên: 111 người (04 GS, 27 PGS, 80 TS), chiếm 37,63%.

Các chỉ tiêu cụ thể cho từng năm như sau:

- Năm 2017: Số lượng cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên: 131 người, trong đó có 05 GS, 30 PGS, 96 TS.
- Năm 2018: Số lượng cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên: 147 người, trong đó có 06 GS, 33 PGS, 108 TS.
- Năm 2019: Số lượng cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên: 168 người, trong đó có 07 GS, 35 PGS, 126 TS.
- Năm 2020: Số lượng cán bộ giảng dạy có trình độ Tiến sĩ trở lên: 192 người, trong đó có 07 GS, 38 PGS, 147 TS.

MV

4. Kế hoạch cụ thể

4.1. Tốt nghiệp tiến sĩ trong nước

Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
2017	1	Đặng Thị Mai Lan	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	2	Phạm Thị Trang	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	3	Phạm Thị Phương Lan	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	4	Nguyễn Thu Trang	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	5	Lương Hùng Tiến	Khoa CNSH và CNTP	CNTP	ĐH Bách khoa HN
	6	Nguyễn Đỗ Hương Giang	Khoa KHCB	Xã hội học	Viện Khoa học xã hội
	7	Đào Việt Hùng	Khoa KHCB	LL và PPDH	ĐHSP Hà Nội
	8	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa QLTN	Quản lý đất đai	ĐH NL TN
	9	Nguyễn Quang Thi	Khoa QLTN	Quản lý đất đai	ĐH NL TN
	10	Đặng Thị Thu Hà	Khoa LN	Lâm sinh	ĐH NL TN
	11	Bùi Thị Thanh Tâm	Khoa KT và PTNT	Kinh tế nông nghiệp	Đại học KT và QTKD
2018	1	Nguyễn Mạnh Cường	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	2	Nguyễn Trường Giang	Khoa KHCB	GDTC	ĐH TDTT Từ Sơn Bắc Ninh
	3	Nguyễn Văn Mạn	Khoa LN	Lâm sinh	ĐH NL TN
	4	Trần Thị Hương Giang	Khoa LN	Lâm sinh	ĐH NL TN
	5	Phạm Thu Hà	Khoa LN	Lâm sinh	Viện KH Lâm nghiệp
	6	Trần Thị Thanh Tâm	Khoa LN	Quản lý tài nguyên rừng	Viện KH Lâm nghiệp
	7	Nguyễn Việt Hưng	Khoa LN	Chế biến gỗ	ĐH Lâm nghiệp
	8	Nông Thu Huyền	Khoa QLTN	Quản lý đất đai	ĐH NL TN
	9	Hồ Lương Xinh	Khoa KT và PTNT	Kinh tế nông nghiệp	Đại học KT và QTKD
	10	Đỗ Hoàng Sơn	Khoa KT và PTNT	Kinh tế nông nghiệp	Đại học KTQD
2019	1	Đỗ Thị Lan Phương	Khoa CNTY	KST và VSV TY	ĐH NL TN
	2	Dương Hữu Lộc	Khoa CNSH và CNTP	Di truyền học	Đại học Sư phạm TN

Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
	3	Dương Thị Kim Huệ	Khoa KHCB	Lịch sử Đảng CSVN	ĐHQG Hà Nội
	4	Vũ Thị Thu Lê	Khoa KHCB	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Hàn lâm và KHCN
	5	Trương Thành Nam	Khoa QLTN	Quản lý đất đai	ĐH NL TN
	6	Bùi Thị Minh Hà	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH Nông Lâm Huế
2020	1	Nguyễn T. Minh Thuận	Khoa CNTY	Chăn nuôi ĐV	ĐH NL TN
	2	Phạm Thị Ngọc Mai	Khoa CNSH và CNTP	CNTP	Viện Hóa học
	3	Nguyễn Thị Tình	Khoa CNSH và CNTP	Di truyền và chọn tạo giống	Viện KH và NN VN
	4	Đinh Thị Kim Hoa	Khoa CNSH và CNTP	CNTP	Viện hóa học các HCTN
	5	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa KHCB	Lý luận và PPDH bộ môn vật lý	ĐH Sư phạm TN
	6	Cù Ngọc Bắc	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH NL TN
	7	Đặng Thị Bích Huệ	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH NL TN
	8	Nguyễn Thị Hiền Thương	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH NL TN
	9	Lành Ngọc Tú	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH NL TN
	10	Trần Thị Ngọc	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	ĐH NL TN

4.2. Tốt nghiệp tiến sĩ nước ngoài

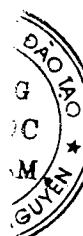
Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
2017	1	Nguyễn Đức Trường	Khoa CNTY	Chăn nuôi	Philippines
	2	Vũ Thị Hạnh	Khoa CNSH và CNTP	Khoa học thực phẩm	Nhật Bản
	3	Hà Văn Thuận	Khoa MT	Môi trường	Canada
	4	Trần Đức Thiện	Khoa LN	Sinh thái	Úc
	5	Hà Minh Tuấn	Khoa NH	KHCT	Úc
	6	Nguyễn Mạnh Tuấn	Viện KHSS	Công nghệ SH	Hàn Quốc
2018	1	Nguyễn Bích Đào	Khoa CNTY	Chăn nuôi	Philippines
	2	Đào Văn Cường	Khoa CNTY	Độc chất học	Nhật Bản
	3	Nguyễn Văn Nơi	Viện KHSS	Thú y	Đài Loan
	4	Nguyễn Hữu Nghị	Khoa CNSH và CNTP	Công nghệ thực phẩm	Nhật Bản

Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
	5	Vũ Hồng Thái	Khoa KHCB	GDTC	Trung Quốc
	6	Nguyễn Đăng Cường	Khoa LN	Điều tra	Đức
	7	Nguyễn Tuấn Hùng	Khoa LN	Quản lý tài nguyên rừng	Philippine
	8	Dương Văn Đoàn	Khoa LN	Chế biến gỗ	Nhật
	9	Phạm Thị Thanh Nga	Khoa KT và PTNT	Kinh tế	Đức
	10	Nguyễn Hữu Giang	Khoa KT và PTNT	Lâm nghiệp	Úc
	11	Hồ Văn Bắc	TTĐT và PTQT	KTNN và Tài nguyên	Nhật Bản
2019	1	Nguyễn Tiến Đạt	Khoa CNTY	Chăn nuôi	Trung Quốc
	2	Bùi Ngọc Sơn	Khoa CNTY	Chăn nuôi	Philippines
	3	Đoàn Quốc Khánh	Khoa CNTY	Thủy sản	Pháp
	4	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa CNTY	Chăn nuôi	Trung Quốc
	5	Cao Hoàng Khuyến	Khoa KHCB	GDTC	ĐH TDTT Thượng Hải
	6	Nguyễn Ngọc Sơn Hải	Khoa MT	KH Môi trường	Úc
	7	Nguyễn Duy Hải	Khoa MT	KH Môi trường	Đài Loan
	8	Trương Thị Ánh Tuyết	Khoa MT	KH Môi trường	Úc
	9	Nguyễn Huy Trung	Khoa QLTN	GIS và viễn thám	Úc
	10	Trần Thị Mai Anh	Khoa QLTN	Quản lý tài nguyên TN	Áo
	11	Đặng Thị Thái	Khoa KT và PTNT	Kinh tế	Đức
2020	1	Nguyễn Đình Hải	Khoa CNTY	Khoa học ĐV	Hàn Quốc
	2	Trần Thị Lý	Khoa CNSH và CNTP	CNSTH	Trung Quốc
	3	Hoàng Hữu Chiến	Khoa QLTN	Khoa học đất	Nhật
	4	Vũ Thị Hiền	Khoa KT và PTNT	Phát triển nông thôn	Đài Loan
	5	Trần Cương	Khoa KT và PTNT	Kinh tế	Trung Quốc
	6	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TTĐT và PTQT	KT Phát triển	Nhật Bản

MT

4.3. Đăng ký nộp hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư

Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị chuyên môn
2017	1	TS. Mai Anh Khoa	Khoa CNTY
	2	TS. Nguyễn Thị Thúy My	Khoa CNTY
	3	TS. Đỗ Hoàng Chung	Khoa Lâm nghiệp
	4	TS. Nguyễn Thanh Hải	Khoa Môi trường
	5	TS. Nguyễn Thị Lân	Khoa Nông học
	6	TS. Phan Thị Vân	Khoa Nông học
	7	TS. Đỗ Thị Ngọc Oanh	Khoa Nông học
	8	TS. Trần Trung Kiên	Khoa Nông học
2018	1	TS. Lê Minh	Khoa CNTY
	2	TS. Trương Hữu Dũng	Khoa CNTY
	3	TS. Dương Văn Cường	Khoa CNSH và CNTP
	4	TS. Hồ Ngọc Sơn	Khoa Lâm nghiệp
	5	TS. Dương Trung Dũng	Khoa Nông học
	6	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	Khoa QLTN
	7	TS. Lê Văn Thơ	Khoa QLTN
	8	TS. Nguyễn Đức Nhuận	Khoa QLTN
	9	TS. Hà Quang Trung	Khoa KT và PTNT
2019	1	TS. Trần Văn Thăng	Khoa CNTY
	2	TS. Bùi Thị Thơm	Khoa CNTY
	4	TS. Nguyễn Văn Sửu	Khoa CNTY
	5	TS. Nguyễn Thị Ngân	Khoa CNTY
	6	TS. Phan Thị Hồng Phúc	Khoa CNTY
	7	TS. Nguyễn Chí Hiểu	Khoa Môi trường
	8	TS. Phan Thị Thu Hằng	Khoa Môi trường
	9	TS. Nguyễn Thị Yên	Khoa KT và PTNT
	10	TS. Đỗ Xuân Luận	Khoa KT và PTNT
	11	TS. Kiều Thị Thu Hương	Khoa KT và PTNT
	12	TS. Nguyễn Hữu Thọ	Khoa KT và PTNT



TT

Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị chuyên môn
2020	1	TS. Phùng Đức Hoàn	Khoa CNTY
	2	TS. Ngô Nhật Thắng	Khoa CNTY
	3	TS. Trần Thị Hoan	Khoa CNTY
	4	TS. Nguyễn Tiến Dũng	Khoa CNSH và CNTP
	5	TS. Nguyễn Văn Duy	Khoa CNSH và CNTP
	6	TS. Nguyễn Thanh Tiến	Khoa Lâm nghiệp
	7	TS. Trần Thị Phả	Khoa Môi trường
	8	TS. Trần Đình Hà	Khoa Nông học
	9	TS. Trần Minh Quân	Khoa Nông học
	10	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Khoa Nông học
	11	TS. Nguyễn Ngọc Anh	Khoa QLTN
	12	TS. Nguyễn Quang Thi	Khoa QLTN
	13	TS. Dương Hoài An	Khoa KT và PTNT

4.4. Đăng ký nộp hồ sơ xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư

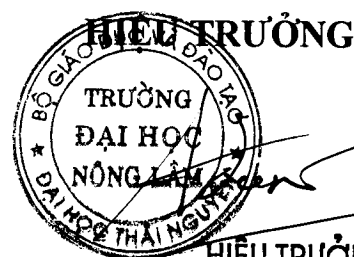
Năm	TT	Họ và tên	Đơn vị chuyên môn
2017	1	PGS.TS. Nguyễn Thế Hùng	Khoa Môi trường
2018	1	PGS.TS. Trần Thanh Vân	Khoa CNTY
2019	1	PGS.TS. Trần Văn Điền	Khoa Môi trường
2020	1	PGS.TS. Đỗ Thị Lan	Khoa Môi trường
	2	PGS.TS. Nguyễn Viết Hưng	Khoa Nông học
	3	PGS.TS. Đặng Xuân Bình	Khoa CNTY

5. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào kế hoạch đã xây dựng, các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Cuối hằng năm tổ chức tổng kết, đánh giá và rà soát, bổ sung kế hoạch cho các năm tiếp theo.

Nơi nhận: *☞*

- Ban Giám hiệu (b/c);
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Lưu: VT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Trần Văn Điền*